

SỐ 719

KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY

(ĐIỀM LÀNH CỦA MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN)

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngồi kiết già ở giữa đại chúng, tất cả đang cung kính ngồi vây quanh chiêm ngưỡng Đức Như Lai và trước Phật nói kệ:

*Đánh lễ Phật biến tri
Chánh biến tri chân thật
Quá khứ và vị lai
Diễn giảng pháp duyên sinh.
Thấy thế gian hư vọng
Điên đảo luân hồi khổ
Nghiệp phiền não vô biên
Xin Phật hãy giảng nói.*

Bấy giờ, trong chúng hội, vô lượng trăm ngàn người, trời, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng hiện nay và cả đời vị lai đều thích nghe pháp thâm diệu. Cúi xin Thế Tôn hãy giảng nói.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Các ông hãy lắng nghe cho rõ. Vì các ông, ta sẽ giảng nói! Nay các thiện nam! Ai muốn thấu rõ điềmlành của mười hai duyên sinh, nghĩa là từ vô minh đến lão tử, luân chuyển theo thứ lớp, tức là ở trong mười hai tháng đều có điềmlành nhưng lại khác nhau. Bắt đầu từ tháng mười đến tháng chín. Lại từ ngày mùng một cho đến ngày mười lăm, so sánh điềmlành thì vui sướng và lo buồn rất nhiều chẳng phải một.

Này các thiện nam! Mười hai chi này bắt đầu từ tháng mười (Bảo sa = 10, ma tấy = tháng)

Mùng một: Vô minh.

Mùng hai: Lão tử.

Mùng ba: Chi sinh.

Mùng bốn: Chi hữu.

Mùng năm: Chi thủ.

Mùng sáu: Chi ái.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Mùng bảy: Chi thọ.

Mùng tám: Chi xúc.

Mùng chín: Lục nhập.

Mùng mười: Danh sắc.

Mười một: Chi thức.

Mười hai: Chi hành.

Từ tháng mười một (Ma khư = 11, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi hành.

Mùng hai: Vô minh.

Mùng ba: Lão tử.

Mùng bốn: Chi sinh.

Mùng năm: Chi hữu.

Mùng sáu: Chi thủ.

Mùng bảy: Chi ái.

Mùng tám: Chi thọ.

Mùng chín: Chi xúc.

Mùng mười: Lục nhập.

Mười một: Danh sắc.

Mười hai: Chi thức.

* Từ tháng mười hai (Phả-la-ngu-na = 12, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi thức.

Mùng hai: Chi hành.

Mùng ba: Vô minh.

Mùng bốn: Lão tử.

Mùng năm: Chi sinh.

Mùng sáu: Chi hữu.

Mùng bảy: Chi thủ.

Mùng tám: Chi ái.

Mùng chín: Chi thọ.

Mùng mười: Chi xúc.

Mười một: Lục nhập.

Mười hai: Danh sắc.

Từ tháng giêng (Tải-đát-la = Nhị hợp chánh, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Danh sắc.

Mùng hai: Chi thức.

Mùng ba: Chi hành.

Mùng bốn: Vô minh.

Mùng năm: Lão tử.

Mùng sáu: Chi sinh.

Mùng bảy: Chi hữu.

Mùng tám: Chi thủ.

Mùng chín: Chi ái.

Mùng mười: Chi thọ.

Mười một: Chi xúc.

Mười hai: Lục nhập.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Từ tháng hai (Phê-xá-khư = 2, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Lục nhập.

Mùng hai: Danh sắc.

Mùng ba: Chi thức.

Mùng bốn: Chi hành.

Mùng năm: Vô minh.

Mùng sáu: Lão tử.

Mùng bảy: Chi sinh.

Mùng tám: Chi hữu.

Mùng chín: Chi thủ.

Mùng mười: Chi ái.

Mười một: Chi thọ.

Mười hai: Chi xúc.

Từ tháng ba (Nhĩ-sắt-trá = 3, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi xúc.

Mùng hai: Lục nhập.

Mùng ba: Danh sắc.

Mùng bốn: Chi thức.

Mùng năm: Chi hành.

Mùng sáu: Vô minh.

Mùng bảy: Lão tử.

Mùng tám: Chi sinh.

Mùng chín: Chi hữu.

Mùng mười: Chi thủ.

Mười một: Chi ái.

Mười hai: Chi thọ.

Từ tháng tư (A-sa-sá = 4, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi thọ.

Mùng hai: Chi xúc.

Mùng ba: Lục nhập.

Mùng bốn: Danh sắc.

Mùng năm: Chi thức.

Mùng sáu: Chi hành.

Mùng bảy: Vô minh.

Mùng tám: Lão tử.

Mùng chín: Chi sinh.

Mùng mười: Chi hữu.

Mười một: Chi thủ.

Mười hai: Chi ái.

Từ tháng năm (Thất-la-phước-na = 5, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Chi ái.

Mùng hai: Chi thọ.

Mùng ba: Chi xúc.

Mùng bốn: Lục nhập.

Mùng năm: Danh sắc.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Mùng sáu: Chi thức.

Mùng bảy: Chi hành.

Mùng tám: Vô minh.

Mùng chín: Lão tử.

Mùng mười: Chi sinh.

Mười một: Chi hữu.

Mười hai: Chi thủ.

Từ tháng sáu (Bà-nại-la-bà-nại = 6, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi thủ.

Mùng hai: Chi ái.

Mùng ba: Chi thọ.

Mùng bốn: Chi xúc.

Mùng năm: Lục nhập.

Mùng sáu: Danh sắc.

Mùng bảy: Chi thức.

Mùng tám: Chi hành.

Mùng chín: Vô minh.

Mùng mười: Lão tử.

Mười một: Chi sinh.

Mười hai: Chi hữu.

Từ tháng bảy (A-thấp-phước-dụ-nhược = 7, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi hữu.

Mùng hai: Chi thủ.

Mùng ba: Chi ái.

Mùng bốn: Chi thọ.

Mùng năm: Chi xúc.

Mùng sáu: Lục nhập.

Mùng bảy: Danh sắc.

Mùng tám: Chi thức.

Mùng chín: Chi hành.

Mùng mười: Vô minh.

Mười một: Lão tử.

Mười hai: Chi sinh.

Từ tháng tám (Ca-lị-đề-ca = 8, ma tấy = tháng)

Mùng một: Chi sinh.

Mùng hai: Chi hữu.

Mùng ba: Chi thủ.

Mùng bốn: Chi ái.

Mùng năm: Chi thọ.

Mùng sáu: Chi xúc.

Mùng bảy: Lục nhập.

Mùng tám: Danh sắc.

Mùng chín: Chi thức.

Mùng mười: Chi hành.

Mười một: Vô minh.

Mười hai: Lão tử.

Từ tháng chín (Ma-lăng-nga-thi-lị-sa = 9, ma tấy = tháng)

Mùng một: Lão tử.

Mùng hai: Chi sinh.

Mùng ba: Chi hữu.

Mùng bốn: Chi thủ.

Mùng năm: Chi ái.

Mùng sáu: Chi thọ.

Mùng bảy: Chi xúc.

Mùng tám: Lục nhập.

Mùng chín: Danh sắc.

Mùng mười: Chi thức.

Mười một: Chi hành.

Mười hai: Vô minh

Mỗi tháng ngày mười ba cũng như mùng ba. Mỗi tháng ngày mười bốn như mùng bốn, ngày mười lăm mùng năm chuẩn theo lý cũng vậy.

Mùng một tháng mười năm Hợi thuộc chi vô minh.

Mùng một tháng mười một năm Tý thuộc chi hành.

Mùng một tháng mười hai năm Sửu thuộc chi thức.

Mùng một tháng giêng năm Dần thuộc chi danh sắc.

Mùng một tháng hai năm Mão thuộc chi lục nhập.

Mùng một tháng ba năm Thìn thuộc chi xúc.

Mùng một tháng tư năm Tỵ thuộc chi thọ.

Mùng một tháng năm năm Ngọ thuộc chi ái.

Mùng một tháng sáu năm Mùi thuộc chi thủ.

Mùng một tháng bảy năm Thân thuộc chi hữu.

Mùng một tháng tám năm Dậu thuộc chi sinh.

Mùng một tháng chín năm Tuất thuộc chi lão tử.

Chú thích:

Chi hữu chuyển thuận, lâu ngày chảy ngược, còn tháng Hắc-bạch, như kinh nói rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các đại chúng:

– Với mười hai chi, người nào quán sát chu đáo, nhớ nghĩ không quên, thì biết rõ vui hay buồn.

Sinh vào ngày vô minh: Mùng chín tháng chín năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì sung sướng có tài của, quyến thuộc không biết, không bệnh hoạn, nói nhiều. Sống tám mươi một tuổi. Chết vào ngày hành.

Sinh vào ngày hành: Mùng tám tháng tám năm thứ tám bị nạn. Nếu không qua đời thì được phú quý, chỉ có hai anh em, sống lâu ít bệnh, có đức hạnh, biết chánh pháp, rất nhiều bạn bè, giỏi tay nghề. Sống tám mươi tám tuổi. Chết vào ngày thức.

Sinh vào ngày thức: Mùng năm tháng năm năm thứ năm bị nạn. Nếu không qua đời thì lạnh lợi dững mãi, luôn thiếu thốn vật quý, ai thấy đều hoan hỷ. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày danh sắc.

Sinh vào ngày danh sắc: Mùng sáu tháng sáu năm thứ chín, thứ mười gặp hoạn nạn. Nếu không qua đời thì ít bệnh, nhiều oán thù, con bị chết yếu, nghèo khổ, thiếu thốn, sợ sệt. Về sau được phú quý, ưa thích bố thí. Sống tám mươi tuổi, chết vào ngày

lục nhập.

Sinh vào ngày lục nhập: Mừng năm trong tháng ba tháng tư, năm thứ tám thứ chín gặp tai nạn. Nếu không qua đời thì bị ganh ghét, nhiều bệnh, bần cùng khốn khổ, keo kiệt, tham đắm ái. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày xúc.

Sinh vào ngày xúc: Ngày hai mươi lăm, trong tháng ba tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì luôn luôn bệnh hoạn, ăn nói khéo léo biết phương pháp, cố chấp ngã kiến, có tài sản, đồ kỳ sặc đẹp. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thọ.

Sinh vào ngày thọ: Mừng hai, mừng mười, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ở chỗ rất tôn quý, rất giàu sang, có hai vợ, nhiều cửa cải, giỏi tay nghề. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày ái.

Sinh vào ngày ái: Mừng mười, tháng ba tháng năm, năm thứ chín gặp nạn. Nếu không qua đời thì giàu sang số một, con cháu đầy đàn, ít bệnh, nhiều thù oán. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thủ.

Sinh vào ngày thủ: trong mừng chín, hai tháng tám và chín, năm thứ chín gặp nạn. Nếu không qua đời thì khinh mạn khó điều phục, bạn bè bạo ác, rất nhiều oan gia, làm điều sai trái phạm giới. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày hữu.

Sinh vào ngày hữu: Mừng chín, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ham vợ người, ít ngủ, giòng họ giàu sang, đứng đầu trong quân đội. Sống sáu mươi tuổi. Chết vào ngày chi sinh.

Sinh vào ngày chi sinh: Mừng năm, tháng chín, năm thứ chín, mười bị nạn. Nếu không qua đời thì giàu có, nhiều bệnh, giữ gìn đất nước, tôn sùng đạo đức. Sống bảy mươi tuổi. Chết vào ngày lão tử.

Sinh vào ngày lão tử: Mừng hai, trong tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ngu si mê loạn, tham lam trộm cướp, thông minh lanh lợi, quyến thuộc hòa thuận, rất nhiều oan gia. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày vô minh.

Trên đã so sánh xong về điềm lành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Ai bệnh vào ngày vô minh thì đó là nạn Dạ-xoa, nên giữ gìn cẩn thận. Tối mừng năm khỏi bệnh.

Bệnh vào ngày hành: Mừng ba mừng bảy bị nạn, tối mừng hai lành bệnh.

Bệnh vào ngày thức: Mừng năm bị nạn, tối mừng bảy hết bệnh.

Bệnh vào ngày danh sắc: Vào mừng ba mừng năm bị nạn, ngay đêm ấy sống chết bấp bênh.

Bệnh vào ngày lục nhập: Vào mừng ba mừng bốn gặp nạn, tối mừng mười hết bệnh.

Bệnh vào ngày xúc: Mừng ba gặp nạn, mừng tám hết bệnh; thường bệnh nhưng sống lâu.

Bệnh vào ngày thọ: Mừng năm gặp nạn, mừng chín hết; tháng mười gặp nạn.

Bệnh vào ngày ái: Mừng tám mừng mười bị nạn, ngày mười chín sống chết bấp bênh.

Ngày thủ bị hoạn nạn: Nếu bị nạn ngày ấy, mừng mười chết.

Ngày hữu bị hoạn nạn: Mừng ba mừng chín bị nạn, tai nạn không bao giờ khỏi.

Ngày chi sinh bị tai hoạn: Mừng năm gặp nạn, mừng tám bớt, cho đến ngày hai mươi được khỏi nạn.

Ngày chi sinh bị tai nạn: Mừng ba mừng bảy bị nạn. Xảy ra tai nạn rồi được khỏi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào khi ra đi mà quán sát mười hai chi thì sẽ biết lành hay xấu.

Ngày vô minh: Đi về phương Đông thì an lạc tốt đẹp; đi thật xa về phương Nam tranh cãi kiện tụng đều được như ý; đi về phương Tây: Nghe chuyện không vừa ý; đi phương Bắc: Nghe tiếng hòa nhã êm dịu.

Ngày chi hành đi về phương Đông: Đi xa bình an không chướng ngại; đi phương Nam: Lo buồn, trở về an vui; đi phương Tây: Trên đường được ăn uống đầy đủ; đi phương Bắc: Trở về bình an.

Ngày chi thức đi về phương Đông: Trên đường đi rất khổ sở; đi phương Nam: Được trở về chỗ cũ; đi phương Tây: Gặp tranh cãi kiện tụng, bị lừa gạt; đi phương Bắc: Mắc tội trở về chỗ cũ.

Ngày danh sắc đi về phương Đông: Được tốt lành giàu có; đi phương Nam: Mọi việc đều viên mãn; đi phương Tây: Được sự mong cầu; đi phương Bắc: Trên đường nhiều khổ sở.

Ngày lục nhập đi về phương Đông: Được nhiều tài lợi; đi phương Nam: Tốt lành, trở về theo ý muốn; đi phương Tây: Ước nguyện đều đầy đủ, tất cả đều thành tựu; đi phương Bắc: Được theo sự mong cầu.

Ngày xúc đi về phương Đông: Tài của bị mất mát; đi phương Nam: An ổn; đi phương Tây: Tranh cãi, sợ hãi; đi phương Bắc: Mau trở về, tài lợi phát đạt.

Ngày chi thọ đi về phương Đông: Lo buồn sợ hãi, đi qua khỏi được thoát; đi phương Nam: Sợ hãi tranh cãi; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Được lợi theo ý muốn, nghe tin không vui.

Ngày chi ái đi về phương Đông được tài lợi; đi phương Nam: Tài lợi ít, mau về lại chỗ cũ; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Tự do vui sướng.

Ngày chi thủ đi về phương Đông: Sợ hãi, trên đường đi gặp nhiều khổ sở; đi phương Nam: An lạc; đi phương Tây: ít lo sợ; đi phương Bắc: Được như ý muốn, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi hữu đi phương Đông: khổ sở lo sợ; đi phương Nam: Mau về chỗ cũ, được lợi ích theo ý muốn; đi phương Tây: Mọi việc tiến triển, mau về lại chỗ cũ; đi phương Bắc: Được lợi ích, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi sinh đi về phương Đông: Tài sản bị phá hoại; đi phương Nam: Hợp ý; đi phương Tây: Được về chỗ cũ; đi phương Bắc: Có tài lợi.

Ngày Lão tử đi về phương Đông: Mau chóng trở về; đi phương Nam: Được nghe lời thương mến; đi phương Tây: Sợ hãi; đi phương Bắc: Trở về bình an, vui vẻ tốt đẹp.

Bấy giờ, đại chúng lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đời có giặc cướp thì sao biết rõ được?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu muốn biết rõ những việc của giặc cướp thì cần xét kỹ mười hai chi hữu.

Này các thiện nam! Nếu ngày vô minh có giặc cướp đến, của cải ở phương Bắc bị tổn thất, giặc đi vào phương Đông của nhà, tâm giặc độc ác, tóc ít; ở đó không lâu, đến mừng chín chắc chắn lấy lại được tài của.

Ngày chi hành có giặc cướp, với tướng mạo màu đỏ sậm, mặc áo cũ, giặc ấy bị tội. Nếu đến phương Đông thì việc ấy tự hết.

Ngày chi thức có giặc cướp, từ nhà họ đi ra, tóc ít màu đỏ sậm, nghe người ngoài nói được lấy lại tài vật.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Ngày chi danh sắc có giấc cướp, tuy hai anh em nhưng có một người không tốt, đứng đầu trong tay nghề, đến ngày hai mươi mốt thì lấy lại được của cải quý báu.

Ngày lục nhập có giấc cướp, ra khỏi nhà họ, thân thể màu vàng sậm, ganh ghét xấu ác, mắt to dữ tợn, đi dọc theo ven sông, đồ đạc cất giấu trong nhà gần chỗ ở quyền thuộc, đến mừng hai được mất không rõ, của cải không xác định.

Ngày chi xúc có giấc cướp, ra khỏi nhà, thân cao tóc đen, vui vẻ rồi lại si ám giống như khóc lóc. Nếu có tranh cãi thì lấy lại được tài vật.

Ngày chi thọ có giấc cướp, có một người trong xóm làng, chó trong nhà màu đen, đến ngày hai mươi chắc chắn bắt được cướp.

Ngày chi ái có giấc cướp, họ từ phương Tây đến ở riêng một làng, thân cao đẹp, chân chó trong nhà màu đen, tranh cãi và bàn luận với người ấy chắc chắn được việc.

Ngày chi thủ có giấc cướp từ phương Nam đến, tranh cãi và bàn luận với một người trong số đó chắc chắn lấy lại được tài sản.

Ngày chi hữu có giấc cướp từ phương Đông đến, biện luận lanh lợi, gian trá nhiều nghi ngờ, từ quyền thuộc mà ra.

Ngày chi sinh có giấc cướp, cùng đi ba người, trong đó hai người lạ, một người quen thân, vội vàng tìm kiếm, cuối cùng lấy lại được tài của quý báu.

Ngày chi lão tử có giấc cướp đến từ phương Bắc, hình dáng gọn gàng, răng hư đầu tóc bạc, đến ngày hai mươi lăm thì lấy lại được tài sản.

Bấy giờ, trong chúng hội bạch:

–Bạch Thế Tôn! Với các chi, khi mắt bị nháy động thì sự việc xảy ra như thế nào?

Đức Phật bảo đại chúng:

–Nếu người nào muốn biết việc này cần phải xét kỹ mười hai duyên sinh thì biết rõ tất cả buồn vui ở vị lai, chắc chắn không hư dối.

Thiện nam nào ở chi vô minh khi mắt trái nháy động thì cha mẹ kinh sợ.

Ngày chi hành, mắt trái nháy động thì vui vẻ.

Ngày chi thức, mắt trái nháy động: Mong muốn hay xả bỏ đều vừa ý.

Ngày chi danh sắc, mắt trái nháy động: Thu hoạch được tài lợi.

Ngày chi lục nhập, mắt trái nháy động: Cha mẹ không vui vẻ.

Ngày chi xúc, mắt trái nháy động: Chắc chắn có tranh luận.

Ngày chi thọ, mắt trái nháy động: Mong cầu điều gì đều vừa ý.

Ngày chi ái, mắt trái nháy động: Có người thân cốt nhục đến.

Ngày chi thủ, mắt trái nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi sinh, mắt trái nháy động: Có thư từ, tin tức ở xa.

Ngày lão tử, mắt trái nháy động: Sở cầu đều thuận theo ý muốn.

–Nếu ai quán sát mười hai chi nhân duyên thì đều biết rõ:

Ngày chi vô minh, mắt phải nháy động: Cha mẹ kinh sợ.

Ngày chi hành, mắt phải nháy động: Mọi việc đều đạt theo ý muốn.

Ngày chi thức, mắt phải nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi danh sắc, mắt phải nháy động: Có áo mới.

Ngày chi lục nhập, mắt phải nháy động: Tài sản bị phá tan.

Ngày chi xúc, mắt phải nháy động: Có tài vật.

Ngày chi thọ, mắt phải nháy động: Có việc đau buồn khóc than.

Ngày chi ái, mắt phải nháy động: Tài sản ít bị mất.

Ngày chi thủ, mắt phải nháy động: Thu hoạch nhiều trân bảo.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Ngày chi hữu, mắt phải nháy động: Tranh luận, mất tài của kiếm lại được.
Ngày chi sinh, mắt phải nháy động: Mong đợi người đến hay cầu tài vật chắc chắn có.
Ngày chi lão tử, mắt phải nháy động: Có sự vui mừng, hòa hợp thành tựu.
Việc mắt nháy động đã nêu xong.

